

밖에

chỉ, không có gì ngoài — đi với phủ định

Một cách khác để nói “chỉ”, nhưng bắt buộc đi với động từ phủ định và mang sắc thái thiếu hụt. 만 thì trung tính; còn dạng này nói rằng như vậy là không đủ.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Mọi danh từ	밖에 — không biến đổi	물밖에 없어요
Động từ phải ở dạng phủ định	없다, 안, 못	세 시간밖에 못 잤어요
Thay thế 이/가	không dùng cả hai	물밖에 — không phải 물이 밖에
Thay thế 을/를	không dùng cả hai	물밖에 — không phải 물을 밖에
Sau 에, 에서	ghép thêm phía sau	집에서밖에 안 해요
Dạng trung tính	만	물만 마세요

Khi nào dùng

밖에 gắn vào bất kỳ danh từ nào mà không đổi dạng, và động từ theo sau bắt buộc phải ở dạng phủ định: 없다, 안, 못, -지 않다. 물밖에 없어요 — không có gì ngoài nước.

Phủ định kép là điều khiến mẫu này khó. Tiếng Hàn nói “ngoài nước ra thì không có gì”, tức là “chỉ có nước”. Tiếng Việt cũng có cách nói tương tự (“không có gì ngoài nước”), nhưng khi dịch là “chỉ có nước” thì không còn phủ định nào cả.

Nó cũng thay thế 이/가 và 을/를 chứ không ghép thêm vào sau, giống hệt như 만 và 도.

Sắc thái mới là điểm khác biệt thực sự so với 만. 세 시간밖에 못 잤어요 là than phiền về ba tiếng đó; 세 시간만 잤어요 chỉ đơn thuần thông báo.

Ví dụ trong câu

- 1

냉장고에 물밖에 없어요.
Trong tủ lạnh không có gì ngoài nước.
- 2

어제 세 시간밖에 못 잤어요.
Hôm qua tôi chỉ ngủ được ba tiếng.
- 3

지금 만 원밖에 없는데요.
Trên người tôi chỉ có mười nghìn won.
- 4

저는 한국어를 조금밖에 못해요.
Tôi chỉ nói được một chút tiếng Hàn.
- 5

그 사람밖에 안 왔어요.
Ngoài anh ấy ra không ai đến cả.
- 6

이제 방법은 이것밖에 없어요.
Đây là cách duy nhất còn lại.

So sánh với

만

만 trung tính và đi với động từ khẳng định; 밖에 hàm ý thiếu hụt và đi với động từ phủ định. Cả hai đều dịch là “chỉ”.

물만 있어요. (có nước, đó là thứ chúng ta có) / 물밖에 없어요. (không có gì ngoài nước)

(이)나

Hai phản ứng trái ngược với cùng một lượng. (이)나 cho rằng lượng đó nhiều; 밖에 cho rằng nó không đủ.

세 시간이나 잤어요. (ngủ tận ba tiếng) / 세 시간밖에 못 잤어요. (chỉ ngủ được ba tiếng)

뿐

뿐 cũng có nghĩa “chỉ” và đứng sau danh từ, nhưng đi với 이다 chứ không đi với phủ định: 이것뿐이에요. Nó nghe trang trọng hơn.

이것밖에 없어요. / 이것뿐이에요.

Lưu ý

- ✗

냉장고에 물밖에 있어요.
- 냉장고에 물밖에 없어요.
밖에 bắt buộc đi với động từ phủ định. Thiếu nó thì câu sai ngữ pháp, dù dịch sang tiếng Việt nghe tự nhiên đến đâu.
- ✗

지금 만 원을밖에 없어요.
- 지금 만 원밖에 없어요.
밖에 thế chỗ 이/가 và 을/를 chứ không đứng sau chúng, giống như 만 và 도.
- ✗

세 시간밖에 잤어요.
- 세 시간밖에 못 잤어요.
Phủ định có thể là 없다, 안 hoặc 못, nhưng phải có một trong số đó. Ở đây 못 mang nghĩa thiếu hụt.